

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST
Ngày 04/9/2026
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lù Xuân Tờ;
- Bà Triệu Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Lò Là Cáo – Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 04/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2026/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Sùng Thị M, sinh năm: 1994; số CCCD: 002194001641 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/4/2021; địa chỉ: Thôn C, xã X, tỉnh Tuyên Quang; *vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;*

2. *Bị đơn:* Anh Vương Tiến Đ, sinh năm: 1996; số CCCD: 002096001391 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/4/2021; địa chỉ: Thôn C, xã X, tỉnh Tuyên Quang; *có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 02/3/2026, bản tự khai ngày 20/4/2026 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Sùng Thị M trình bày:

Chị Sùng Thị M và anh Vương Tiến Đ tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn ngày 08/03/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện X, tỉnh Hà Giang (Nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc

sống vợ chồng không hoà thuận, anh Đ đánh đập chị M rất nhiều lần, hai bên gia đình khuyên bảo nhưng vẫn không thay đổi, hiện anh chị đang sống ly thân nhau. Do không có tiếng nói chung, không có quan điểm chung, đến nay tình cảm vợ chồng bị sút mẻ, không còn tình cảm với nhau nữa, vì vậy chị M đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vương Tiến Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có với nhau 02 (Hai) đứa con chung là cháu Vương Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 01/01/2017 và cháu Vương Thị Gi, sinh ngày 15/03/2020. Sau khi ly hôn, chị M có nguyện vọng giao hai cháu Vương Ngọc Bảo Tr và cháu Vương Thị Gi cho anh Vương Tiến Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Tr, cháu Gi đủ 18 tuổi. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

Do tính chất công việc nên chị M không tham gia phiên tòa xét xử vụ án Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Vương Tiến Đ được, chị M có gửi đơn xin xét xử vắng mặt đến Tòa án với nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể: Chị M đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho hai cháu Vương Ngọc Bảo Tr và cháu Vương Thị Gi với mức cấp dưỡng 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/tháng/cháu cho đến khi cháu Tr, cháu Gi đủ 18 tuổi. Lý do là hiện nay chị M đang đi làm công ty nên có thu nhập ổn định, thu nhập hàng tháng từ 8.000.000đồng (Tám triệu đồng) đến 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) nên chị M có thể chu cấp được cho các con, tuy nhiên không thể trực tiếp nuôi các con được vì hiện tại chị M không có chỗ ở ổn định, phải đi thuê nhà, sinh hoạt phí và không có thời gian chăm sóc con. Với thu nhập hiện tại của chị M vừa đủ đảm bảo việc sinh hoạt của chị và mức cấp dưỡng cho các con. Việc cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay đe dọa. Các nội dung khác chị M giữ nguyên yêu cầu.

** Tại bản tự khai ngày 08/6/2026 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Vương Tiến Đ trình bày:* Anh Vương Tiến Đ và chị Sùng Thị M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/3/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện X, tỉnh Hà Giang (Nay là Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Tuyên Quang), sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh Đ được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng không hoà thuận nhau, chị M đã đi ngoại tình nhiều lần hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không thay đổi. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau được một thời gian. Nay anh Đ cảm thấy cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh Đ nhất trí với yêu cầu của chị M về quan hệ hôn nhân, đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh Đ xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Vương Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 01/01/2017 và cháu Vương Thị Gi, sinh ngày 15/3/2020. Vợ chồng ly hôn anh Đ đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vương Thị Gi cho đến khi cháu Gi đủ 18 tuổi; giao cho chị Sùng Thị M trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vương Ngọc Bảo Tr cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ý kiến ngày 27/7/2026 anh Đ có thay đổi nội dung yêu cầu về phần con chung, cụ thể anh đề nghị giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vương Ngọc Bảo Tr cho đến khi cháu Tr đủ 18 tuổi; giao cho chị Sùng Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vương Thị Gi cho đến khi cháu Gi đủ 18 tuổi, không yêu cầu các bên phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các nội dung khác anh Đ giữ nguyên yêu cầu.

Tại phiên tòa: Bị đơn anh Vương Tiến Đ có ý kiến: Về quan hệ hôn nhân: Nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị Sùng Thị M. Về con chung: Anh Đ đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu Vương Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 01/01/2017 và cháu Vương Thị Gi, sinh ngày 15/3/2020 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đề nghị chị M phải cấp dưỡng với mức 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/tháng/cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 177, 227, 228, 262, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 88, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Tòa án tuyên xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị M. Cho chị Mẫu được ly hôn anh Vương Tiến Đ. Về con chung: Giao các cháu Vương Ngọc Bảo Tr và Vương Thị Gi cho anh Vương Tiến Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/tháng/cháu (tổng cộng 02 cháu là 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi cháu Tr, cháu Gi đủ 18 tuổi. Chị M, anh Đ có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Sùng Thị M được miễn toàn bộ án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Sùng Thị M có đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” với bị đơn anh Vương Tiến Đ, anh Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã X, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Sùng Thị M vắng mặt tại phiên tòa có gửi đơn xin vắng mặt giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa xét xử với lý do đang bận công việc không xin nghỉ để về tham gia phiên tòa được. Bị đơn anh Vương Tiến Đ có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Sùng Thị M theo thủ tục chung là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn chị Sùng Thị M, bị đơn anh Vương Tiến Đ, các biên bản xác minh với Trưởng thôn C, xã X, tỉnh Tuyên Quang, đại diện Công an xã X, tỉnh Tuyên Quang, người thân hai bên gia đình chị M, anh Đ thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị Sùng Thị M và anh Vương Tiến Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh Đ là ông Vương Xuân Kh, bà Vàng Nhị Nh. Đến khoảng năm 2020 – 2021 anh chị có đi làm ăn xa, mỗi người một nơi, anh Đ thỉnh thoảng có về nhà thăm nhà và các con, còn chị M rất ít khi về nhà bố mẹ anh Đ, chủ yếu là về bên nhà bố mẹ đẻ của chị. Bản thân chị M và anh Đ đều thừa nhận trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng không hoà thuận nhau, và anh chị đã sống ly thân nhau. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị M đề nghị giải quyết ly hôn anh Đ cũng nhất trí. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Sùng Thị M được ly hôn với anh Vương Tiến Đ là có cơ sở.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị M, anh Đ có 02 (Hai) con chung là cháu Vương Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 01/01/2017 và cháu Vương Thị Gi, sinh ngày 15/3/2020. Do cháu Tr đã đủ 07 (Bảy) tuổi trở lên nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự ghi ý kiến nguyện vọng của cháu và được cháu cho biết sau khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với bố cháu là anh Vương Tiến Đ, còn cháu Gi chưa đủ 07 (Bảy) tuổi do đó Tòa án không tiến hành ghi ý kiến nguyện vọng của cháu. Qua xác minh Trưởng thôn nơi các cháu đang sinh sống, người thân hai bên gia đình chị M, anh Đ và các thầy, cô giáo chủ nhiệm của các cháu thì hiện nay các cháu Tr, cháu Gi đang ở cùng ông bà nội là ông Khương, bà Nhung, có nhà cửa kiên cố, ruộng đất canh tác, do ông bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu trong thời gian anh Đ không ở nhà, theo ý kiến trình bày của ông Kh, bà Nh thì sau khi chị M, anh Đ ly hôn đề nghị giao hai cháu cho anh Đ cùng ông bà tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng các cháu, ông bà có sức khoẻ đảm bảo cho việc nuôi dưỡng các cháu, đồng thời hàng tháng chị M, anh Đ đều

gửi tiền về cho ông bà hộ chăm sóc các cháu. Đối với chị M, qua xác minh với mẹ đẻ là bà Lù Thị B thì hiện tại chị M đang phải đi làm xa, không có chỗ ở và thu nhập ổn định, lâu dài nên không bảo đảm tốt cho việc nuôi dạy các con mà sau khi anh chị ly hôn việc giao con cho anh Đ cùng bố mẹ đẻ anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu sẽ ổn định hơn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Đ có điều kiện, khả năng để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cùng sự hỗ trợ cần thiết từ ông, bà nội cháu có thời gian bên cạnh các cháu thường xuyên, liên tục hơn khi anh Đ bận đi làm xa nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các cháu, nên căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, giao cháu Vương Ngọc Bảo Tr và cháu Vương Thị Gi cho anh Vương Tiến Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tr, cháu Gi đủ 18 tuổi là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Sùng Thị M được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, chị M không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị M đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho hai cháu Vương Ngọc Bảo Tr và cháu Vương Thị Gi với mức cấp dưỡng 1.000.000đồng (*Một triệu đồng*)/tháng/cháu cho đến khi cháu Tr, cháu Gi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị M mong muốn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi của các cháu được duy trì từ trước đó chị M vẫn gửi tiền về cho ông Kh, bà Nh hộ nuôi dưỡng các cháu như ông bà đã trình bày, phù hợp với các quy định tại các điều 82, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình và phù hợp với khả năng, điều kiện thực tế của chị M nên cần được chấp nhận. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng bắt đầu từ tháng 10/2026 cho đến khi cháu Tr, cháu Gi đủ 18 tuổi. Anh Đ trực tiếp nuôi con chung là người nhận tiền cấp dưỡng cho các cháu. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Nguyên đơn chị Sùng Thị M, bị đơn anh Vương Tiến Đ không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[7] Ý kiến, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Tuyên Quang tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Sùng Thị M thuộc trường hợp đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Sùng Thị M, bị đơn anh Vương Tiến Đ có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 208, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Sùng Thị M, xử cho chị Sùng Thị M được ly hôn với anh Vương Tiến Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Vương Tiến Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu Vương Ngọc Bảo Tr, sinh ngày 01/01/2017 và cháu Vương Thị Gi, sinh ngày 15/3/2020 cho đến khi cháu Tr, cháu Gi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, vì quyền lợi của con chung sau này một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Sùng Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai cháu Vương Ngọc Bảo Tr và cháu Vương Thị Gi với mức 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/tháng/cháu. Thời điểm và phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ tháng 10/2026 cho đến khi cháu Tr, cháu Gi đủ 18 tuổi. Anh Vương Tiến Đ trực tiếp nuôi con chung là người nhận khoản tiền cấp dưỡng nói trên cho các cháu.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Sùng Thị M được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng.

Bị đơn anh Vương Tiến Đ không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Sùng Thị M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Vương Tiến Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 6 – Tuyên Quang;
- UBND xã X, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Khánh